TAND HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **08/**2021/DS-ST
Ngày: 09 - 03 - 2021.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Kiểu

Ông Nguyễn Văn Đoạt

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang***: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát huyện H không tham gia.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số 304/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Lê Tường Đ, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Trịnh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Vào năm 2018, ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T với số tổng số tiền kết nợ là 341.800.000 đồng và anh Lê Tường Đ có ký xác nhận nợ với ông. Sau khi chốt nợ, ông đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu anh Đ, chị T thanh toán số tiền còn thiếu nhưng vợ chồng anh Đ chỉ hứa nhưng không trả. Sau đó, anh làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp để hòa giải.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2020, anh Đ thừa nhận có nợ ông phân bón là 341.800.000 đồng nhưng do làm ruộng bị thua lỗ nên vợ chồng anh Đ không có khả năng trả nên anh Đ xin được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng ông không đồng ý. Nay ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền nợ phân bón là 341.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T trả số tiền phân bón còn thiếu là 341.800.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T thì quan hệ pháp luật được xác định là: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung: Tại Thông báo số 104/TB-TA ngày 19/10/2020, Tòa án đã thông báo đã cho bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T được biết về việc nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lê Tường Đ phải trả số tiền 341.800.000 đồng và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là biên bản hòa giải ngày 12/8/2020 của Ban lãnh đạo ấp K, xã M, huyện H và Văn bản xác nhận nợ đề ngày 03/5/2019 nhưng bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện cũng như chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ vào Văn bản xác nhận nợ đề ngày 03/5/2019 và Biên bản hòa giải ngày 12/8/2020 của Ban lãnh đạo ấp K, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang có cơ sở để HĐXX xác định: Nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T với bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T có thực hiện giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp với nhau. Theo đó, ông T bán cho vợ chồng anh Đ vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc trừ sâu để vợ chồng anh Đ sản xuất nông nghiệp nhưng do canh tác thua lỗ nên anh Đ, chị T không có khả năng thanh toán. Tại thời điểm chốt nợ, vợ chồng anh Lê Tường Đ còn nợ ông T tổng số tiền mua vật tư chưa thanh toán là 341.800.000 đồng. Ông Trịnh Nguyễn Ngọc T với anh Lê Tường Đ thống nhất với nhau về số tiền mua bán chưa thanh toán nhưng không thống nhất phương thức trả, cụ thể: Ông T yêu cầu vợ chồng anh Đ trả cho ông một lần với số tiền 150.000.000 đồng thì ông tự nguyện giảm cho vợ chồng anh Đ số tiền nợ còn lại nhưng anh Đ

không đồng ý. Anh Lê Tường Đ xin trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi dứt nợ.

Xét thấy, ông T là bên bán đã giao hàng hóa cho bên mua là anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T đúng số lượng, thời hạn đã thỏa thuận. Bên mua anh Đ - chị T đã nhận đầy đủ hàng hóa nhưng không thanh toán tiền mua hàng hóa theo thời gian đã thỏa thuận và thừa nhận còn nợ bên bán số tiền là 341.800.000 đồng. Cho nên, vợ chồng anh Đ - chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Đ - chị T phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp chưa thanh toán là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bên cạnh đó, tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T không yêu cầu anh Đ và chị T phải trả tiền lãi đối với số tiền mà vợ chồng anh Đ chưa thanh toán. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T với bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2. Buộc bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T số tiền 341.800.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T không trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 341.800.000 đồng x 5% = 17.090.000 đ *(Bằng chữ: Mười bảy triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Nguyên đơn ông Trịnh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Trịnh Nguyễn Ngọc T (hay Trịnh Ngọc T) số tiền tạm ứng án phí là 8.545.000 đ *(Bằng chữ: Tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001234 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Lê Tường Đ và chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh KG.
- VKS huyện;
- Cục T.H.A DS huyện;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh